

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C R
THÀNH PHỐ C T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HS-ST

Ngày: 17/07/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hồng Gấm**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Thanh Trí.

Bà Lê Thị Tuyết Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trương Hoàng Minh Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C R tham gia phiên tòa:* Ông **Võ Thanh Thoại** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2024/HSST, ngày 14 tháng 06 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HS ngày 01/07/2024 đối với bị cáo:

Huỳnh V H, sinh ngày 12/11/1999, tại C T;

Nơi thường trú: Số 30/5A Trần Phú, khu vực 3 Sông Hậu, phường C K, quận N K, thành phố C T. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh V H, sinh năm 1971 và con bà Trần T B T, sinh năm 1968; Vợ: Huỳnh T B N, sinh năm 2003; Con: Có 02 người con gồm: Huỳnh T N N, sinh năm 2019 và Huỳnh T N A, sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Bà **Huỳnh T B N**, sinh năm 2003. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 30/5A Trần Phú, khu vực 3 Sông Hậu, phường C K, quận N K, thành phố C T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh V H và chị Huỳnh T B N có mối quan hệ tình cảm với nhau từ khoảng tháng 6 năm 2018 và nhiều lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với nhau tại các nhà nghỉ trên địa bàn quận C R, thành phố C T (không xác định được địa chỉ cụ thể). Đến khoảng tháng 9 năm 2018, chị N phát hiện có thai nên hai bên gia đình thống nhất cho bị cáo H và chị N về sống chung với nhau. Đến ngày 10/05/2019, chị N sinh con sau đó khai sinh con tên Huỳnh T N N.

Ngày 12/06/2023, chị N đến Công an phường C K, quận N K, thành phố C T để làm thủ tục đăng ký thường trú cho cháu N . Qua kiểm tra giấy khai sinh của cháu N , Công an phường C K nghi vấn vụ việc có dấu hiệu của hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi nên đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C R, thành phố C T để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận giám định độ tuổi trên cơ thể người sống số 649/KLGĐĐT-TTPYCT ngày 09/10/2023 của Trung tâm pháp y xác định: Huỳnh T B N có độ tuổi là 20 năm 06 tháng đến 21 năm 06 tháng (tại thời điểm giám định ngày 28/9/2023).

Tại bản Kết luận giám định số 989/KL-KTHS ngày 05/02/2024 của Phân Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận: Huỳnh V H và Huỳnh T N N có quan hệ huyết thống cha con.

Theo giấy chứng sinh số 50, quyển số 6 do cơ sở y tế “Bảo sanh An Phú cấp ngày 02/11/2003 thể hiện Huỳnh T B N sinh ngày 22/02/2003. Tính đến thời điểm N sinh con vào ngày 10/5/2019 thì N đang ở độ tuổi 16 tuổi 02 tháng 18 ngày. Như vậy, thời điểm N quan hệ tình dục và mang thai với Hòa thì N chưa đủ 16 tuổi.

Quá quá trình điều tra, bị cáo Huỳnh V H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại Huỳnh T B N đã nhận số tiền bồi thường từ bị cáo và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hòa.

Tại bản cáo trạng số: 59/CT-VKS-CR, ngày 14 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận C R truy tố bị cáo Huỳnh V H về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung của cáo trạng, không bổ sung gì thêm, đồng thời phân tích tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh V H phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”.

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Huỳnh V H từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 02 (Hai) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: không.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận việc bị hại đã nhận tiền bồi thường từ bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có điều kiện cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng, chăm lo cho gia đình và nuôi hai con nhỏ.

Bị hại – chị Huỳnh T B N trình bày: Bị cáo trong vụ án đồng thời là chồng của bị hại, cả hai từ khi chung sống với nhau cho đến khi tiến đến hôn nhân hợp pháp, đã có hai con nhỏ thì cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, bị cáo đang là lao động chính trong gia đình, do việc thiếu hiểu biết về pháp luật của chị cũng như bị cáo nên mới dẫn đến hậu quả như hôm nay. Chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm lo cho gia đình và nuôi hai con tiếp chị. Chị xác định đã nhận bồi thường từ bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và trình tự, thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra và truy tố đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại không khiếu nại gì về thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà viện kiểm sát đã truy tố, do đó đủ cơ sở xác định: Bị cáo Huỳnh V H và chị Huỳnh T B N có mối quan hệ tình cảm với nhau từ khoảng tháng 6 năm 2018 và nhiều lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với nhau tại các nhà nghỉ trên địa bàn quận C R, thành phố C T, không xác định được địa chỉ cụ thể. Đến khoảng tháng 9 năm 2018, chị N phát hiện có thai nên hai bên gia đình thống nhất cho bị cáo H và chị N về sống chung

với nhau. Đến ngày 10 tháng 5 năm 2019, chị N sinh con và đặt tên Huỳnh T N N.

Tại bản Kết luận giám định số 989/KL-KTHS ngày 05/02/2024 của Phân Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận: Huỳnh V H và Huỳnh T N N có quan hệ huyết thống cha con.

Lời thừa nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra lại tại phiên tòa nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo quy định tại Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Thời điểm bị cáo quan hệ tình dục, giao cấu với chị N mặc dù có sự đồng thuận từ chị N thì chị N chưa đủ 16 tuổi, đồng thời bị cáo thực hiện hành vi quan hệ nhiều lần dẫn đến chị N mang thai và sinh cháu Huỳnh T N N nên phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điều khoản luật đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền được bảo vệ về nhân phẩm, danh dự của người dưới 16 tuổi, xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của người dưới 16 tuổi. Bị cáo đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức và có khả năng làm chủ bản thân, buộc bị cáo phải nhận thức được hành vi quan hệ tình dục với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình vi phạm. Bị cáo biết hành vi thực hiện của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý vi phạm, bất chấp pháp luật cho thấy ý thức chủ quan của tội phạm là cố ý thực hiện.

[3] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần cho bị hại và trong quá trình điều tra bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Trên cơ sở xem xét toàn diện nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Nhận thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tạo điều kiện để cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành người có ích cho xã hội sau này. Bản thân bị cáo phạm tội hai lần trở lên nên thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo hướng dẫn của quy định pháp luật nên việc bị

hại đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bên cạnh đó giữa bị cáo và bị hại sau khi quan hệ với nhau dẫn đến có thai thì hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng, sau khi đủ tuổi kết hôn thì cả hai đã đi đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, bị cáo cùng bị hại xác định hiện nay đang chung sống với nhau hạnh phúc và có hai con nhỏ. Mặt khác, bị cáo đang là lao động chính trong gia đình, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo cũng đã nhìn nhận sai lầm của mình, do sự thiếu hiểu biết về phạm luật nên mới gây hậu ra hậu quả nghiêm trọng. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử thống áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, điều đó cũng cho thấy chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Huỳnh V H** phạm tội: “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”.

Căn cứ vào: Điểm a, d Khoản 2 Điều 145; Điểm b, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh V H** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận bồi thường từ bị cáo và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Huỳnh V H** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. C T;
- VKSND Q. C R;
- Chi Cục THA Q. C R;
- Cơ quan điều tra - Công an Q. C R;
- Nhà tạm giữ Công an quận C R;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

TRẦN THỊ HỒNG GẮM